

BẢNG THIẾT KẾ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG VIỆT – CUỐI KÌ II

Bài kiểm tra đọc

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Đọc hiểu văn bản	Số câu	2		1	1	1		1		5	1
		Câu số	2, 5		3	1	4		6			
		Số điểm	1 đ		0,5 đ	0,5 đ	1 đ		1 đ		3,5 đ	0,5 đ
2	Kiến thức tiếng Việt	Số câu	1		1			1		1	2	2
		Câu số	7		8			10		9		
		Số điểm	0,5 đ		0,5 đ			1 đ		1 đ	1 đ	2 đ
<i>Tổng số câu</i>			3		2	1	1	1	1	7	3	
<i>Tổng số</i>			3		3		2		2		10	
<i>Tổng số điểm</i>			1,5 điểm		1,5 điểm		2 điểm		2 điểm		7 điểm	

Bài kiểm tra viết

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Viết chính tả	Số câu				1						1
		Câu số				1						1
		Số điểm				2 đ						
2	Viết văn	Số câu						1				1
		Câu số						2				2
		Số điểm						8 đ				
<i>Tổng số câu</i>						1		1				2
<i>Tổng số</i>					1		1				2	
<i>Tổng số điểm</i>					2 điểm		8 điểm				10 điểm	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

Môn: Tiếng Việt

Thời gian: 40 Phút

Năm học:

Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Giáo viên kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh.

Nội dung kiểm tra: Các bài đã học từ tuần 29 đến tuần 34, giáo viên ghi tên bài, số trang vào phiếu, gọi học sinh lên bốc thăm và đọc thành tiếng. Mỗi học sinh đọc một đoạn văn, thơ khoảng 100 tiếng/phút (trong bài bốc thăm được) sau đó trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu.

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt: (7 điểm)

a. Đọc thầm bài văn sau:

Công việc đầu tiên

Một hôm, anh Ba Chấn gọi tôi vào trong buồng đứng cái nơi anh giao việc cho ba tôi ngày trước. Anh lấy từ mái nhà xuống bó giấy lớn, rồi hỏi tôi:

- Út có dám rải truyền đơn không?

Tôi vừa mừng vừa lo, nói :

- Được, nhưng rải thế nào anh phải chỉ vẽ, em mới làm được chứ!

Anh Ba cười, rồi dặn dò tôi tỉ mỉ. Cuối cùng, anh nhắc:

- Rủi địch nó bắt em tận tay thì em một mực nói rằng có một anh bảo đây là giấy quảng cáo thuốc. Em không biết chữ nên không biết giấy gì.

Nhận công việc vinh dự đầu tiên này, tôi thấy trong người cứ bồn chồn, thấp thòm. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn. Khoảng ba giờ sáng, tôi giả đi bán cá như mọi hôm. Tay tôi bê rổ cá, còn bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần. Tôi rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất. Gần tới chợ thì vừa hết, trời cũng vừa sáng tỏ.

Độ tám giờ, nhân dân xì xào âm lên: “Cộng sản rải giấy nhiều quá!”

Mấy tên lính mã tà hốt hải xách súng chạy rầm rầm.

Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba. Anh tôi khen:

- Út khá lắm, cứ làm như vậy rồi quen, em ạ!

Lần sau, anh tôi lại giao rải truyền đơn tại chợ Mỹ Lồng. Tôi cũng hoàn thành. Làm được một vài việc, tôi bắt đầu ham hoạt động. Tôi tâm sự với anh Ba:

- Em chỉ muốn làm thật nhiều việc cho Cách mạng. Anh cho em thoát li hẳn nghe anh !

Theo Hồi ký của bà Nguyễn Thị Định

Câu 1: Viết vào chỗ chấm: Tên công việc đầu tiên anh Ba giao cho chị Út là gì? (0,5 điểm)

Câu 2: Anh Ba chuẩn hỏi Út có dám rải truyền đơn không? (0,5 điểm)

- A. Dám
- B. Không
- C. Mừng
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 3: Những chi tiết nào cho thấy chị Út rất hồi hộp khi nhận công việc đầu tiên ? (0,5 điểm)

- A. Chị bồn chồn, thấp thòm, ngủ không yên, nửa đêm dậy ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
- B. Chị dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu đưa đơn.
- C. Đêm đó chị ngủ yên.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 4: Chị Út đã nghĩ ra cách gì để rải hết truyền đơn ? (1 điểm)

- A. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
- B. Giả đi bán cá như mọi hôm. Tay bê rổ cá và bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần, khi rảo bước truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất.

C. Cả hai ý trên đều đúng.

D. Cả hai ý trên đều sai.

Câu 5: Vì sao chị Út muốn thoát li ? (0,5 điểm)

A. Vì chị Út yêu nước, yêu nhân dân.

B. Vì chị Út ham hoạt động, muốn làm được thật nhiều việc cho cách mạng.

C. Cả hai ý trên đều đúng.

D. Cả hai ý trên đều sai.

Câu 6: Dòng nào dưới đây nêu đúng nội dung bài văn? (1 điểm)

A. Bài văn là đoạn hồi tưởng của bà Nguyễn Thị Định yêu nước, yêu nhân dân.

B. Bài văn là đoạn hồi tưởng của bà Nguyễn Thị Định cho thấy nguyện vọng, lòng nhiệt thành của một người phụ nữ dũng cảm muốn làm việc lớn đóng góp sức mình cho Cách mạng.

C. Cả hai ý trên đều đúng.

D. Cả hai ý trên đều sai.

Câu 7: Câu “Út có dám rải truyền đơn không?” (0,5 điểm)

A. Câu hỏi. B. Câu cầu khiến.

C. Câu cảm. D. Câu kể.

Câu 8: Dấu phẩy trong câu: “Độ tám giờ, nhân dân xì xầm ầm lên.” có tác dụng gì? (0,5 điểm)

A. Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.

B. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ.

C. Ngăn cách các vế trong câu ghép.

D. Ngăn cách các vế trong câu đơn.

Câu 9: Bác Hồ đã khen tặng phụ nữ Việt Nam tám chữ vàng, em hãy cho biết tám chữ đó là gì ? (1 điểm)

Câu 10: Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống: (1 điểm)

(đất nước; ngày mai)

Trẻ em là tương lai của..... Trẻ em hôm nay, thế giới.....;

Kiểm tra viết: (10 điểm)

1. Chính tả nghe – viết: (2 điểm) (15 phút)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài: *Sang năm con lên bảy.* (từ *Mai rồi con lớn khôn... đến hết*). (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, trang 149).

2. Tập làm văn: (8 điểm) (25 phút)

Em hãy tả người bạn thân của ở trường.

A – Kiểm tra đọc: (10 điểm)

1. Kiểm tra đọc thành tiếng: (3 điểm)

Đánh giá, cho điểm. Giáo viên đánh giá, cho điểm dựa vào những yêu cầu sau:

a. Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu (không quá 1 phút): 0,5 điểm

(Đọc từ trên 1 phút – 2 phút: 0,25 điểm; đọc quá 2 phút: 0 điểm)

b. Đọc đúng tiếng, đúng từ, trôi chảy, lưu loát: 1 điểm

(Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng: 0,5 điểm; đọc sai 5 tiếng trở lên: 0 điểm)

c. Ngắt nghỉ hơi ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 0,5 điểm

(Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 – 3 chỗ: 0,25 điểm; ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: 0 điểm)

d. Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

(Trả lời chưa đầy đủ hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: 0,5 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm)

* Lưu ý: Đối với những bài tập đọc thuộc thể thơ có yêu cầu học thuộc lòng, giáo viên cho học sinh đọc thuộc lòng theo yêu cầu.

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng việt: (7 điểm)

Học sinh dựa vào nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập đạt số điểm như sau:

Câu	2	3	4	5	6	7	8
Ý đúng	A	A	C	B	B	A	B
Điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	1 điểm	0,5 điểm	1 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm

Câu 1: Rải truyền đơn (0,5 điểm)

Câu 9: anh hùng, bắt khuấy, trung hậu, đảm đang (1 điểm)

Câu 10: Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp với mỗi chỗ trống: (1 điểm)

Trẻ em là tương lai của **đất nước**. Trẻ em hôm nay, thế giới **ngày mai**

B – Kiểm tra viết: (10 điểm)

1. Chính tả nghe – viết: (2 điểm) (15 phút)

- GV đọc cho HS viết, thời gian HS viết bài khoảng 15 phút.
- Đánh giá, cho điểm: Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ và đúng theo đoạn văn (thơ) 2 điểm.
- Học sinh viết mắc từ 2 lỗi chính tả trong bài viết (sai – lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định): trừ 0,5 điểm.

Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,...bị trừ 1 điểm toàn bài.

2. Tập làm văn: (8 điểm) (25 phút)

Đánh giá, cho điểm

- Đảm bảo được các yêu cầu sau, được 8 điểm:
 - + Học sinh viết được một bài văn thể loại theo yêu cầu của đề (có mở bài, thân bài, kết bài) một cách mạch lạc, có nội dung phù hợp theo yêu cầu của đề bài.
 - + Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.
 - + Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch đẹp.
- Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm phù hợp với thực tế bài viết.
 - * Bài đạt điểm 8 khi học sinh có sử dụng ít nhất từ 1 đến 2 biện pháp nghệ thuật trong tả người.

Lưu ý: Học sinh viết bài tùy theo mức độ mà GV cho điểm đúng theo bài làm của học sinh.